TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 58/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 01 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp NLA, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trần Nguyên V, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp DĐ1, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: ấp DĐ1, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Trần Nguyên V, bà Nguyễn Thị Huỳnh M thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Ông V, bà M tự nguyện giao trả cho bà T được hưởng phần tài sản chung còn lại sau khi bà T, ông V ly hôn gồm **19.000.000 đ** ***(Mười chín triệu đồng)*** và **01** ***(Một)*** **chỉ vàng 24K**. Bà T thống nhất nhận 19.000.000 đ (Mười chín triệu đồng) và 01 (Một) chỉ vàng 24K do ông V, bà M giao lại.

- Về thời gian giao nhận tiền, vàng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Trần Nguyên V, bà Nguyễn Thị Huỳnh M tự nguyện thỏa thuận thời gian giao nhận tiền, vàng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trần Nguyên V và bà Nguyễn Thị Huỳnh M tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 565.000 đ (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T 712.500 đ (Bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0000533 ngày 22 tháng 02 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

(Phụ chú: Tính giá vàng 24K tại thời điểm ngày 22/3/2019 là 3.600.000đ/chỉ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng trên một chỉ)).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo